

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 09-01-2025

Vv: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây;
- Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 401/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường T, thành phố U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Đỗ Thuỳ L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 21/8/2024); có mặt.

- **Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1982; có mặt.
- Bà Lê Thị C, sinh năm 1987; có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố Đ, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường T, thành phố U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Phạm Đỗ Thuỳ L1 trình bày: Bị đơn ông Nguyễn Văn M là em trai bà Nguyễn Thị L.

Vào ngày 06/7/2022, bà L cho vợ chồng ông M, bà C vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và ngày 09/7/2023, bà L tiếp tục cho ông M, bà C vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà L cho vợ chồng ông M, bà C vay là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Việc cho vay được thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0281001122426, chủ tài khoản Nguyễn Mạnh D, mở tại ngân hàng Vietcombank (ông Nguyễn Mạnh D là con trai bà L và chỉ chuyển khoản giùm cho bà L) đến số tài khoản 1014602522 của bà Lê Thị C; việc cho vay không xác định thời hạn và không có lãi suất.

Do nhu cầu cần tiền để giải quyết việc gia đình nên bà L đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà C trả số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến nay ông M và bà C mới trả cho bà L được số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) và còn nợ 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngày 19/8/2024, bà L đã gửi thông báo yêu cầu ông M, bà C phải trả số tiền nợ vay còn thiếu là 600.000.000 đồng trong thời gian 15 ngày (kể từ ngày 19/8/2024 đến ngày 03/9/2024). Tuy nhiên, đến nay đã quá thời gian 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo nhưng ông M, bà C vẫn không thực hiện việc trả nợ vay cho bà L.

Nhận thấy, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C không trả số tiền vay còn lại 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) là cố tình không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Vì vậy, bà L đã khởi kiện vợ chồng ông M và bà C đến Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2. Yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 04/9/2024 cho đến khi Toà án xét xử là 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả là 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M là em trai bà L. Vào ngày ngày 06/7/2022, bà L cho ông M vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và ngày 09/7/2023, bà L tiếp tục cho ông M vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền ông M vay của bà L là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Việc cho vay được thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0281001122426, chủ tài khoản Nguyễn Mạnh D (ông D là con trai bà L) đến số tài khoản 1014602522 của vợ ông M là bà Lê Thị C; việc vay mượn không xác định thời hạn và mục đích vay là để kinh doanh. Số tiền 2.300.000.000 đồng mà ông M vay của bà L không có liên quan gì đến bà C và bà C chỉ nhận giùm cho ông M. Ngay sau khi ông Dũng chuyển số tiền 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) vào số tài khoản của bà C thì bà C đã đưa lại cho ông M, ông M sử dụng số tiền vay này với mục đích kinh doanh cá nhân của mình, không có liên quan đến bà C. Cho đến nay ông M đã trả cho bà L tổng số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); hiện còn nợ 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ông M có nhận được Thông báo yêu cầu trả nợ của bà L nhưng do gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả cho bà L. Tại phiên toà ông M đồng ý số trả tiền gốc 600.000.000 đồng cho bà L và xin bà L miễn tiền lãi vì hiện tại gia đình đang rất khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà C xác định chỉ nhận giùm tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) cho chồng bà C là ông Nguyễn Văn M từ số tài khoản của ông Nguyễn Mạnh D (con trai bà L) chuyển vào số tài khoản của bà C vào các ngày 06/7/2022 và ngày 09/7/2023. Sau khi nhận được số tiền nêu trên thì bà C đã rút toàn bộ số tiền này đưa lại cho ông M; việc ông M sử dụng vào công việc gì thì bà C không rõ; bà C xác định không có vay tiền bà L; đồng thời cũng không có hưởng lợi gì đối với số tiền mà ông M đã thoả thuận vay từ bà L nêu trên. Do đó, bà C không đồng ý liên đới cùng ông Nguyễn Văn M trả tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 20.000.000 đồng cho bà L. Bà C đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh D trình bày: Ông D là con trai bà L và là cháu gọi ông M là cậu.

Do bà L không có tài khoản ngân hàng và không sử dụng Internet Banking nên nhờ ông D chuyển số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) là tiền của bà L cho vợ chồng ông M và bà C vay thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0281001122426, chủ tài khoản Nguyễn Mạnh D, mở tại ngân hàng Vietcombank đến số tài khoản 1014602522 của bà Lê Thị C vào các ngày 06/7/2022 và ngày 09/7/2023. Ông D xác định chỉ chuyển giùm cho bà L. Do đó, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C tiếp tục trả số tiền đã vay thông qua hình thức chuyển khoản. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.2] Về việc có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Lê Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Các đương sự đều thừa nhận vào các ngày 06/7/2022 và ngày 09/7/2023, ông Nguyễn Mạnh D (con bà L) đã chuyển khoản với tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) từ tài khoản số 0281001122426 của ông Nguyễn Mạnh D đến tài khoản số 1014602522 của bà Lê Thị C; số tiền này nguyên đơn cho bị đơn vay; việc cho vay không lập thành văn bản, không thoả thuận lãi suất và không xác định thời hạn vay; cho đến nay bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) và còn nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Đây là tình tiết, sự việc không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn xác định cho vợ chồng bị đơn vay nên phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn; còn bị đơn ông M và bà C lại cho rằng chỉ có một mình ông M vay tiền nguyên đơn, bà C không vay mà chỉ nhận giùm cho ông M nên bà C không đồng ý liên đới trả cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh và không phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, thể hiện toàn bộ số tiền 2.300.000.000 đồng mà nguyên đơn cho các bị đơn vay đều được chuyển vào số tài khoản của bà Lê Thị C vào các ngày 06/7/2022 và ngày 09/7/2023 (bút lục 14 và 22). Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn ông M và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi chậm trả: Các đương sự thừa nhận việc vay mượn không lập thành văn bản, không thoả thuận lãi suất và thời hạn trả mà chỉ cho vay bằng hình thức chuyển khoản nên ngày 19/8/2024, nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu vợ chồng bị đơn ông M, bà C phải trả số tiền vay 600.000.000 đồng trong thời gian 15 ngày (kể từ ngày 19/8/2024 đến ngày 03/9/2024), bị đơn thừa nhận đã nhận được văn bản này của nguyên đơn nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 04/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 469, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng); trong đó, tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C phải chịu 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Lê